

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 hướng dẫn
thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP
ngày 22/7/2013 của Chính phủ**

(Tiếp theo Công báo số 923 + 924)

Mẫu số: 09-4/PL-TNCN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

Phụ lục

THU NHẬP TỪ XỔ SỐ, BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../.....)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp	[06]	
2	Chi phí	[07]	
3	Thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[08]	
4	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	[09]	
5	Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ [10]=[11] + [12] + [13]	[10]	
a	Tổng số thuế đã khấu trừ từ xổ số	[11]	
b	Tổng số thuế đã khấu trừ từ bảo hiểm	[12]	
c	Tổng số thuế đã khấu trừ từ bán hàng đa cấp	[13]	
6	Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam	[14]	
7	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam	[15]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày tháng..... năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 11/KK-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản;
thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI**I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG**

[04] Họ và tên:

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Số chứng minh nhân dân (CMND)/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[06a] Ngày cấp..... [06b] Nơi cấp

[07] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[08] Mã số thuế:

[09] Địa chỉ:.....

[10] Quận/huyện:..... [11] Tỉnh/Thành phố:.....

[12] Điện thoại:..... [13] Fax:..... [14] Email:.....

[15] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[16] Mã số thuế:

[17] Địa chỉ:

[18] Quận/huyện:..... [19] Tỉnh/Thành phố:.....

[20] Điện thoại:..... [21] Fax:..... [22] Email:.....

[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

[24] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà:

Số..... Do cơ quan:..... Cấp ngày:.....

[25] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:.....

Số..... Ngày:.....

[26] Các đồng chủ sở hữu (nếu có):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1				
2				
...				

[27] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (nếu là mua bán, đổi):

Số:..... Nơi lập..... Ngày lập:

Cơ quan chứng thực..... Ngày chứng thực:.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[28] Họ và tên:

[29] Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[30] Số CMND/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[31] Đơn xin chuyển nhượng bất động sản (nếu là nhận thừa kế, nhận quà tặng)

Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng..... Ngày lập:

Cơ quan chứng thực Ngày chứng thực:

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[32] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

--

[33] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở

--

[34] Quyền thuê đất, thuê mặt nước

--

[35] Bất động sản khác

--

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[36] Đất

[36a] Địa chỉ thửa đất, nhà ở:

[36b] Vị trí (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

[36c] Loại đất, loại nhà:.....

[36d] Diện tích (m²):.....

[37] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):.....

[38] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[39] Nhà và các tài sản gắn liền với đất (gọi chung là nhà)

[39a] Cấp nhà:.....

[39b] Loại nhà:.....

[39c] Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

[40] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng [40a] Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....

Chuyển nhượng [40b] Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:

[41] Giá trị nhà:..... đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[42] Giá trị bất động sản thực tế chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng (đồng):

.....

VI. CÁCH XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP**[43] Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng bất động sản (BDS):**..... đồng*Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua, giá bán bất động sản*

Thuế thu nhập phải nộp = (Giá bán BĐS - Giá mua BĐS) x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua, giá bán bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Giá trị BĐS chuyển nhượng x 2%.

[44] Thu nhập chịu thuế từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:.....

..... đồng

[45] Thu nhập được miễn thuế: đồng

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

[46] Thuế thu nhập phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản {[46]= ([43] - [45]) x thuế suất}:..... đồng

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					<input type="checkbox"/>
2					<input type="checkbox"/>
...					<input type="checkbox"/>

[47] Thuế thu nhập phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng {[47]= ([44] - [45] - 10.000.000đ) x 10%}:..... đồng.**VII. GIẤY TỜ KÈM THEO GỒM:**

-

-

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B. PHẦN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế:

2. Mã số thuế (nếu có):

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

I. Loại bất động sản chuyển nhượng

- | | |
|---|--|
| 1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất | |
| 2. Quyền sử hữu hoặc sử dụng nhà ở | |
| 3. Quyền thuê đất, thuê mặt nước | |
| 4. Các bất động sản khác | |

II. Đặc điểm bất động sản chuyển nhượng

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:.....

Số nhà, đường phố.....

Thôn, xóm.....

Phường/xã:.....

Quận/huyện.....

Tỉnh/thành phố.....

2. Loại đất:.....

3. Loại đường/khu vực:.....

4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....

5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....

6. Hạng nhà:.....

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....

8. Diện tích đất, nhà tính thuế (m²):

8.1. Đất:.....

8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....9. Đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà tính thuế (đồng/m²):

9.1. Đất:.....

9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

III. Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản**1. Đối với chuyển nhượng:**

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:..... đồng

1.2. Giá mua bất động sản:..... đồng

1.3. Các chi phí khác liên quan đến giá bất động sản chuyển nhượng được loại trừ:
..... đồng1.4. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ((1.4) = (1.1) - (1.2) - (1.3)):
..... đồng

2. Đối với nhận thừa kế, quà tặng:

Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản = (đơn giá một mét vuông đất, sàn nhà) x (diện tích đất, diện tích sàn nhà) + (giá trị các bất động sản khác gắn với đất):
..... đồng

IV. Thuế thu nhập phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế)**1. Đối với thu nhập chuyển nhượng bất động sản:**

Cách 1: Trường hợp xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản x 25%.

Cách 2: Trường hợp không xác định được giá mua bất động sản

Thuế thu nhập phải nộp = Giá bất động sản chuyển nhượng x 2%.

Số thuế thu nhập phát sinh: đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					<input type="checkbox"/>
2					<input type="checkbox"/>
...					<input type="checkbox"/>

2. Đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

Thuế thu nhập phải nộp = (Thu nhập từ bất động sản nhận thừa kế, quà tặng - 10.000.000) x 10%.

Số thuế thu nhập phát sinh:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

V. Xác nhận của cơ quan thuế đối với trường hợp được miễn thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản:

Căn cứ vào tờ khai và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản giữa ông (bà)..... và ông (bà)....., cơ quan thuế đã kiểm tra và xác nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của ông (bà)..... thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản..... Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân với số tiền được miễn là...../.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày tháng..... năm ...
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 11-1/TB-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /TB-CT (CCT)

....., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/Bà/Tổ chức

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPĐK ngày..... tháng..... năm..... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thừa đất số:..... Tờ bản đồ số:.....
Số nhà, đường phố.....
Thôn, xóm.....
Phường/xã:.....
Quận/huyện.....
Tỉnh/thành phố.....
2. Loại đất:.....
3. Loại đường/khu vực:.....
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....
6. Hạng nhà:.....
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....
8. Diện tích nhà, đất tính thuế (m²):
8.1. Đất:.....
8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....
9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính thuế (đồng/m²):
9.1. Đất:.....
9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

II. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tổng giá trị nhà, đất tính thuế thu nhập cá nhân:.....
1.1. Đất (8 x 9):.....
1.2. Nhà (7 x 8 x 9):.....

2. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng
(Viết bằng chữ:.....)

Nộp theo chương tiêu mục.....

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (nếu có):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số thuế phải nộp
1			
2			
...			

3. Địa điểm nộp:.....

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào Ngân sách Nhà nước thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

Cơ quan thuế..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

..., ngày... tháng... năm ...
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng
(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 12/KK-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):

[21] Mã số thuế:

[22] Địa chỉ:

[23] Quận/huyện:..... [24] Tỉnh/thành phố:.....

[25] Điện thoại:..... [26] Fax:..... [27] Email:.....

[28] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

[29] Hợp đồng chuyển nhượng vốn số:..... Ngày..... tháng..... năm.....

[30] Giấy phép đăng ký kinh doanh số:..... Ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP

[31] Họ và tên:

[32] Mã số thuế:

[33] Số CMND/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

[34] Địa chỉ:

[35] Quận/huyện:..... [36] Tỉnh/thành phố:.....

[37] Điện thoại:..... [38] Fax:..... [39] Email:.....

III. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn		
1	Giá chuyển nhượng	[40]	
2	Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng	[41]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[42]	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn [43] = [40] - [41] - [42]	[43]	
5	Số thuế phải nộp	[44]	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[45]	
7	Số thuế còn phải nộp [46] = [44] - [45]	[46]	
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp		
1	Giá chuyển nhượng	[47]	
2	Số thuế phải nộp	[48]	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[49]	
4	Số thuế còn phải nộp [50] = [48] - [49]	[50]	

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 12-1/TB-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CT (CCT)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/Bà/Tổ chức.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị..... ngày.... tháng..... năm..... và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ chuyển nhượng vốn		
1	Giá chuyển nhượng	[01]	
2	Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng	[02]	
3	Chi phí chuyển nhượng	[03]	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn	[04]	
5	Số thuế phải nộp	[05]	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[06]	
7	Số thuế còn phải nộp	[07]	
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp		
1	Giá chuyển nhượng	[08]	
2	Số thuế phải nộp	[09]	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[10]	
4	Số thuế còn phải nộp	[11]	

[12] Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng
(Viết bằng chữ:.....)

[13] Nộp theo chương tiêu mục

[14] Địa điểm nộp:

[15] Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào NSNN thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

II. XÁC NHẬN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHÁT SINH SỐ THUẾ PHẢI NỘP

Cơ quan thuế..... xác nhận ông/bà..... đã hoàn thành nghĩa vụ khai thuế thu nhập cá nhân và không phát sinh số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.

Cơ quan thuế..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

..., ngày ... tháng.... năm....

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHÂN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng.

(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày tháng..... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này.

STT	Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Số tiền	
3	Số thuế còn phải nộp $[28] = [26] - [27] > 0$		[28]		
4	Số thuế nộp thừa ($[29] = [26] - [27] < 0$)		[29]		
	a	Số thuế đề nghị hoàn trả $[30] = [31] + [32]$	[30]		
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế	[31]	
		Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác	[32]		

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 13-1/BK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT
CHỨNG KHOẢN ĐÃ CHUYỂN NHƯỢNG TRONG NĂM
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 13/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã chứng khoán	Giá bán	Giá mua	Chi phí	Thu nhập chịu thuế	Chứng từ		
						Số thuế đã khấu trừ	Số, ký hiệu chứng từ	Ngày, tháng, năm chứng từ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]=[08]-[09]-[10]	[12]	[13]	[14]
1								
2								
....								
Tổng cộng		[15]	[16]	[17]	[18]	[19]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 14/KK-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI**I. Thông tin cá nhân nhận thừa kế, quà tặng**

[04] Họ và tên:

[05] Mã số thuế:

[06] Quốc tịch:

[07] Địa chỉ:

[08] Quận/huyện: [09] Tỉnh/thành phố:

[10] Điện thoại: [11] Fax: [12] Email:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] Email:

[21] Hợp đồng đại lý thuế:

II. Văn bản giao nhận thừa kế, quà tặng

[22] Làm tại: ngày..... tháng..... năm.....

đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày tháng năm.....

III. Thông tin về cá nhân cho thừa kế, quà tặng

[23] Họ và tên:

[24] Mã số thuế:

[25] Quốc tịch:

[26] Địa chỉ:

[27] Điện thoại: [28] Fax: [29] Email:

IV. [30] Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản thừa kế, quà tặng số:

..... Do cơ quan: Cấp ngày:

V. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

[31] Chứng khoán

[32] Vốn góp

[33] Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

VI. [34] Thu nhập thừa kế, quà tặng

Số tiền: đồng
(Viết bằng chữ:.....)

VII. [35] Thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Số tiền: đồng
(Viết bằng chữ:.....)

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B. XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ**I. Thông tin về cá nhân nộp thuế**

1. Họ và tên:

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Quốc tịch:

II. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

1. Chứng khoán

--

2. Vốn góp

--

3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

--

III. Xác định thu nhập chịu thuế và số thuế thu nhập cá nhân phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế)

1. Thu nhập chịu thuế (= Giá trị tài sản thừa kế, quà tặng tại thời điểm cá nhân nhận tài sản):..... đồng

2. Thu nhập tính thuế (= Thu nhập chịu thuế - Thu nhập miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần - 10 triệu đồng):..... đồng

3. Thuế thu nhập cá nhân phải nộp (= Thu nhập tính thuế x 10%):..... đồng.

..., ngày ... tháng... năm.....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 14-1/TB-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT (CCT)

..., ngày..... tháng năm

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/Bà
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị.....
ngày..... tháng..... năm..... và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà).....
....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân
ông (bà) phải nộp như sau:

I. LOẠI TÀI SẢN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

1. Chứng khoán
2. Vốn góp
3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng:.....
2. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng
(Viết bằng chữ:.....)
Nộp theo chương tiểu mục.....
3. Địa điểm nộp:.....
4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào NSNN thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với..... *(tên cơ quan thuế)*.....
theo số điện thoại: địa chỉ: để được hướng dẫn cụ thể.
.....*(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN

..., ngày... tháng... năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. PHÂN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện)

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng.

(Viết bằng chữ:.....)

....., ngày tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này.

Mẫu số: 16/ĐK-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC GIÁM TRƯỞNG GIA CẢNH

[01] Lần đầu: [02] Bổ sung lần thứ:

- [03] Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....
- [04] Mã số thuế:.....
- [05] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:.....

- [06] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

- [07] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

I. Người phụ thuộc đã có MST/CMND/Hộ chiếu								
STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã số thuế	Quốc tịch	Số CMND/Hộ chiếu	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1								
2								
3								
...								
II. Người phụ thuộc chưa có MST/CMND/Hộ chiếu								

STT	Họ và tên	Thông tin trên giấy khai sinh						Quốc tịch	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)	
		Ngày sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký							
		[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]
1												
2												
3												
...												
...												

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày... tháng... năm...

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: 16-1/TB-MST

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-CT

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Mã số thuế người phụ thuộc**

Kính gửi: Ông/Bà

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Cục Thuế thông báo mã số thuế người phụ thuộc của người nộp thuế như sau:

STT	Tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Ngày cấp mã số thuế
1			
2			
..			

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế người phụ thuộc theo đúng quy định kể từ ngày nhận được thông báo này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 17/TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Kính gửi:.....

1. Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Địa chỉ:.....

4. Số Điện thoại:..... 5. Số fax:.....

6. Số Tài khoản:..... 7. Nơi mở Tài khoản:.....

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi một số điều Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, đề nghị cơ quan thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho tôi (đơn vị chúng tôi).

Tôi (đơn vị chúng tôi) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo đúng các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 18/MGT-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIẢM THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Kính gửi:.....

[01] Họ và tên:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:.....

[04] Số tài khoản ngân hàng:..... Mở tại:.....

Đề nghị được giảm thuế thu nhập cá nhân với lý do và số thuế giảm cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị giảm thuế:

.....

2. Năm đề nghị được giảm thuế:.....

3. Căn cứ xác định số thuế được giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng số tiền bị thiệt hại	[05]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phải nộp trong năm đề nghị giảm thuế	[06]	
3	Tổng số thuế TNCN đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	[07]	
4	Tổng số thuế TNCN được hoàn thuế (nếu có)	[08]	

4. Các tài liệu gửi kèm:

a) Các tài liệu chứng minh số thuế đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm đề nghị giảm thuế:

.....

.....

b) Các tài liệu khác:.....

.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ

(Ký và ghi rõ họ tên)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
III	Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	[28]	
2	Tổng số thuế phải nộp	[29]	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	[30]	
4	Số thuế còn phải nộp [31] = [29] - [30]	[31]	
IV	Thu nhập từ trúng thưởng		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	[32]	
2	Tổng số thuế phải nộp	[33]	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	[34]	
4	Số thuế còn phải nộp [35] = [33] - [34]	[35]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 20/TXN-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP

Năm.....

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: (Tên tổ chức/cá nhân).....

Tôi xin xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên:.....

2. Chức vụ (nếu có):.....

Được bổ nhiệm tới công tác tại Việt Nam với các chi tiết sau:

3. Ngày đến Việt Nam: ngày.... tháng..... năm.....

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm.... đến ngày 31 tháng 12 năm...
Số tiền là..... đồng

Trong đó:

a) Tại Việt Nam:..... đồng

b) Tại nước ngoài:..... đồng

5. Các khoản bị khấu trừ ngoài Việt Nam (nếu có):.....

- Thuế thu nhập cá nhân:.....

- Bảo hiểm xã hội hoặc các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự:.....

- Các khoản bị khấu trừ khác:.....

6. Tiền thuê nhà cho ông/bà..... tại Việt Nam là do..... (ghi rõ tên tổ chức/
cá nhân) trả, số tiền là:..... đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Gửi kèm:

Hợp đồng lao động số..... ngày..... tháng..... năm.....

..., ngày..... tháng..... năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 21a/XN-TNCN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã (phường)

Họ và tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế (nếu có):.....

Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....

Nơi cấp:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Căn cứ Luật thuế Thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN về việc chính quyền xã phường xác nhận thực tế đang nuôi dưỡng người phụ thuộc là ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, anh chị em ruột, cháu ruột và các cá nhân khác để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc.

Tôi kê khai người sau đây đang sống cùng với tôi:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu	Quan hệ với người khai	Địa chỉ thường trú của người phụ thuộc
1					
2					
...					

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG (nơi người nộp thuế cư trú):

UBND xã (phường)..... xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) hiện đang sống cùng ông (bà)..... tại địa chỉ...../.

....., ngày..... tháng..... năm.....

TM. UBND.....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 21b/XN-TNCN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG**

Kính gửi: UBND xã (phường)

Họ và tên người nộp thuế:

Mã số thuế (nếu có):

Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:

Nơi cấp:

Chỗ ở hiện nay:

Căn cứ Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNCN về việc chính quyền xã (phường) xác nhận thực tế đang nuôi dưỡng người phụ thuộc là ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, chú, bác, cậu ruột, anh chị em ruột, cháu ruột và các cá nhân khác để được tính giảm trừ cho người phụ thuộc.

Tôi kê khai người sau đây không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/Hộ chiếu	Quan hệ với người làm đơn	Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc
1					
2					
...					

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN*(Ký và ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG (nơi người phụ thuộc cư trú):**

UBND..... xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) không nơi nương tựa, đang sống tại xã (phường)

..., ngày..... tháng..... năm.....

TM. UBND.....*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:**

Xác nhận của UBND phường, xã: trường hợp đối tượng nộp thuế có nhiều người phụ thuộc ở nhiều địa điểm khác nhau thì tại mỗi địa phương có người phụ thuộc sống, đối tượng nộp thuế phải lập tờ khai và đề nghị UBND phường, xã nơi đó xác nhận.

Ví dụ: Ông B có 3 người phụ thuộc (không nơi nương tựa và ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng) đang sống tại 3 địa điểm khác; trong đó có 02 người ở xã K, 01 người ở xã M. Ông A sẽ phải lập 02 bản khai theo mẫu số 21b/XN-TNCN; 01 bản đề nghị UBND xã K xác nhận cho 02 người phụ thuộc sống ở xã K, 01 bản đề nghị UBND xã M xác nhận cho 01 người sống ở xã M.

STT	Tổ chức phát hành	Mã cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá cổ phiếu	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
2							
...							
II.	Lợi tức ghi tăng vốn						
1							
2							
...							
Tổng cộng					[29]	[30]	[31]

(Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định).

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

B. PHẦN TÍNH THUẾ VÀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế

2. Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

3. Cách tính thuế phải nộp

Căn cứ hướng dẫn tại tiết d, Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

Thuế phải nộp = thu nhập tính thuế x thuế suất (5%)

Trong đó thu nhập tính thuế được tính như sau:

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán ([26]); hoặc

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) mệnh giá ([24] x [25])

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng ([24] x giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng).

4. Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng
(Viết bằng chữ:.....)

5. Thông báo của cơ quan thuế:

Yêu cầu Ông (Bà) nộp số tiền thuế nêu trên tại

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày..... tháng..... năm.....

Quá thời hạn nêu trên mà chưa nộp đủ tiền thuế thì người nộp thuế phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
III	Thu nhập từ tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện		
1	Tổng thu nhập trả thuộc diện khấu trừ	[26]	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[27]	
IV	Thu nhập từ tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp		
1	Tổng thu nhập trả trong kỳ	[28]	
2	Tổng thu nhập trả thuộc diện khấu trừ	[29]	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[30]	
V	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [31] = [23] + [25] + [27] + [30]	[31]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng/ Số tiền
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[25]	VNĐ	
II Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ				
1	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	[26]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	[27]	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[28]	VNĐ	
III Thu nhập từ tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện				
1	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	[29]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	[30]	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[31]	VNĐ	
IV Thu nhập từ tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp				
1	Tổng số cá nhân trong kỳ	[32]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân trong kỳ	[33]	VNĐ	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	[34]	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	[35]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[36]	VNĐ	
V	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [37] = [25] + [28] + [31] + [36]	[37]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02/KK-XS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho công ty xổ số kiến thiết trả thu nhập cho đại lý xổ số)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	----------------------

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:.....

[08] Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:.....

[10] Fax:.....

[11] Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------	----------------------

<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
----------------------	----------------------	----------------------

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:.....

[16] Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:.....

[18] Fax:.....

[19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:.....

Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam(VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng/ Số tiền
1	Tổng số đại lý xổ số trong kỳ	[21]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số trong kỳ	[22]	VNĐ	
3	Tổng số đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ	[23]	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ	[24]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[25]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02-1/BK-XS
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA ĐẠI LÝ XỔ SỐ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/KK-XS)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên đại lý	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	Số thuế được giảm	Số thuế đã khấu trừ
	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]
1							
2							
...							
Tổng cộng				[13]	[14]	[15]	[16]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày tháng năm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 01/MBAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ MÔN BÀI

[01] Kỳ tính thuế: năm.....

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:.....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:.....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....

[21] Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu “X” nếu có)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Vốn đăng ký, mức thu nhập bình quân tháng	Bậc môn bài	Mức thuế môn bài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Người nộp thuế môn bài	[22]			
2	Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (ghi rõ tên, địa chỉ)	[23]			
3	Tổng số thuế môn bài phải nộp	[24]			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 01/TK-SDDPNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP***(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)***[01] Kỳ tính thuế:** Năm.....[02] lần đầu: [03] bổ sung lần thứ: **I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

1. Người nộp thuế	[04] Họ và tên:	
[05] Ngày tháng năm sinh:	[06] Mã số thuế:	
[07] Số CMND/hộ chiếu:	[08] Ngày cấp:	[09] Nơi cấp:
[10] Địa chỉ cư trú:		
[10.1] Tổ/thôn:	[10.2] Phường/xã/thị trấn:	
[10.3] Quận/huyện:	[10.4] Tỉnh/Thành phố:	
[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	[11.1] Điện thoại:	
[12] Số tài khoản - tại ngân hàng (nếu có):		
2. Đại lý thuế (nếu có)	[13] Tên tổ chức:	
[14] Mã số thuế:		
[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:		
[15.1] Phường/xã/thị trấn:		
[15.2] Quận/huyện:	[15.3] Tỉnh/Thành phố:	
[15.4] Điện thoại:	Fax:	Email:
[15.5] Hợp đồng đại lý thuế:	Số hợp đồng:	Ngày: .../.../.....
3. Thừa đất chịu thuế		
[16] Địa chỉ:.....	[17] Tô/Thôn:	
[18] Phường/xã/thị trấn:	[19] Quận/huyện:	[20] Tỉnh/Thành phố:
[21] Là thừa đất duy nhất: <input type="checkbox"/>	[22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):	
[23] Đã có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	Số giấy chứng nhận:	[23.1] Ngày cấp:
[23.2] Thừa đất số:	[23.3] Tờ bản đồ số:	
[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:	[23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh...):	
[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:		
[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích		
[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:		
[24.3] Hạn mức (nếu có):		
[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:		
[25] Chưa có giấy chứng nhận: <input type="checkbox"/>	[25.1] Diện tích:	
[25.2] Mục đích đang sử dụng:		
4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):		
[26.1] Loại nhà:	[26.2] Diện tích:	[26.3] Hệ số phân bổ:
5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....		
6. Đăng ký nộp thuế		
<input type="checkbox"/> Nộp thuế một lần trong năm		
<input type="checkbox"/> Nộp thuế theo 2 lần trong năm		
<input type="checkbox"/> Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm:		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

... , ngày tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam***1. Người nộp thuế** [28] Họ và tên:

[29] Ngày tháng năm sinh:

[30] Mã số thuế:

[31] Số CMND/hộ chiếu:

[32] Ngày cấp:

[33] Nơi cấp:

2. Thừa đất chịu thuế

[34] Địa chỉ:

[35] Tổ/Thôn:

[36] Phường/xã/thị trấn:

[37] Quận/huyện:

[38] Tỉnh/Thành phố:

[39] Đã có giấy chứng nhận

Số GCN:

[39.1] Ngày cấp:

[39.2] Thừa đất số:

[39.3] Tờ bản đồ số:

[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:

[39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[39.6] Mục đích sử dụng:

[39.7] Hạn mức:

(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)[40] Chưa có giấy chứng nhận:

[40.1] Diện tích:

[40.2] Mục đích đang sử dụng:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)**4. Căn cứ tính thuế**

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[43] Hạn mức tính thuế:

[44] Thông tin xác định giá đất:

[44.1] Loại đất:

[44.2] Tên đường/vùng:

[44.3] Đoạn đường/khu vực:

[44.4] Loại đường:

[44.5] Vị trí/hạng:

[44.6] Giá đất:

[44.7] Hệ số (đường/hẻm):

[44.8] Giá 1m² đất (*Giá đất theo mục đích sử dụng*):**5. Diện tích đất tính thuế****5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức (<i>thuế suất: 0,03%</i>)	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (<i>thuế suất: 0,07%</i>)	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (<i>thuế suất 0,15%</i>)
...

5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[48] Diện tích:

[49] Hệ số phân bổ:

5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:**5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:**

[51] Diện tích:..... [52] Mục đích thực tế đang sử dụng:.....

[53] Hệ số phân bổ (*đối với nhà chung cư*):**5.5. Đất lấn chiếm**

[54] Diện tích : [55] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[56] Hệ số phân bổ (*đối với nhà chung cư*):

..., ngày.... tháng..... năm.....
Cán bộ địa chính xã/phường
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày.... tháng..... năm.....
CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 02/TK-SDDPNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho tổ chức)

[01] Kỳ tính thuế: Năm...

[02] lần đầu:

[03] bổ sung lần thứ:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[04] Tên tổ chức:	[05] Mã số thuế:
[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	
[06.1] Tổ/thôn:	[06.2] Phường/xã/thị trấn:
[06.3] Quận/huyện:	[06.4] Tỉnh/Thành phố:
[07] Điện thoại:	[08] Số tài khoản - tại ngân hàng (nếu có):
[09] Tên tổ chức:	

2. Đại lý thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:	
[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:	
[11.1] Phường/xã/thị trấn:	[11.3] Tỉnh/Thành phố:
[11.2] Quận/huyện:	[11.6] Email:.....
[11.4] Điện thoại:	[11.5] Fax:
[11.7] Hợp đồng đại lý thuế: Số:	Ngày.../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[12] Địa chỉ:	[13] Tổ/Thôn:
[14] Phường/xã/thị trấn:	[15] Quận/huyện:
[16] Tỉnh/Thành phố:	[17.1] Ngày cấp:
[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số:	[17.2] Thửa đất số:
[17.3] Tờ bản đồ số:	[17.4] Diện tích:
[17.5] Mục đích sử dụng:	

4. [18] Đối tượng miễn, giảm thuế**5. Căn cứ tính thuế**

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng:	
[20] Thông tin xác định giá đất:	
[20.1] Loại đất:	[20.5] Vị trí/hạng:
[20.2] Tên đường/vùng:	[20.7] Hệ số (đường/hẻm):
[20.3] Đoạn đường/khu vực:	
[20.4] Loại đường:	
[20.6] Giá đất:	
[20.8] Giá 1m ² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):	

6. Tính thuế**6.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[21] Diện tích:

[22] Số thuế phải nộp:

$$[22]=[21]*[20.8]*0,03\%$$

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

[23] Diện tích:

[24] Hệ số phân bổ:

[25] Số thuế phải nộp:

$$[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03\%$$

6.3. Đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích

[26] Diện tích:

[27] Số thuế phải nộp ($[27]=[26]*[20.8]*0,03\%$):

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[28] Mục đích đang sử dụng:

[29] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):
(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[30] Diện tích:

[31] Giá 1m² đất:

[32] Số thuế phải nộp ($[32]=[30]*[31]*[29]*0,15\%$):

6.5. Đất lấn, chiếm

[33] Mục đích đang sử dụng:

[34] Hệ số phân bổ (đối với nhà chung cư):
(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)

[35] Diện tích:

[36] Giá 1m² đất:

[37] Số thuế phải nộp ($[37]=[35]*[36]*[34]*0,2\%$):

7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm ($[38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37]$):

8. [39] Số thuế được miễn, giảm:

9. [40] Tổng số thuế phải nộp: $[40]=[38] - [39]$

10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) ($[41]=[40]*5$):

11. Thời hạn nộp thuế

- Nộp thuế một lần trong năm.
- Nộp thuế theo 2 lần trong năm.
- Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 03/TKTH-SDDPNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
 (Dùng cho hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:

1. [04] Họ và tên người nộp thuế: [05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ: [06.1] Phường/xã/thị trấn: [06.2] Quận/huyện: [06.3] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại: Fax: Email:

[08] Số tài khoản ngân hàng (nếu có): Mờ tại:

2. Đại lý thuế (nếu có): [09] Tên tổ chức: [10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ: [11.1] Phường/xã/thị trấn [11.2] Quận/huyện: [11.3] Tỉnh/Thành phố

[12] Điện thoại: [12.1] Fax: [12.2] Email:

3. Kê khai tổng hợp tại: [13] Quận/Huyện: [14] Hạn mức đất lựa chọn:.....m²

4. Tổng hợp các thửa đất trong Tỉnh/Thành phố

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Thửa đất chịu thuế		Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận	Giá 1m ² đất	Diện tích trong hạn mức (m ²) (thuế suất 0,03%)	Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,07%)	Diện tích vượt 3 lần hạn mức (m ²) (thuế suất 0,15%)	Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp	Số thuế đã kê khai (chưa trừ miễn, giảm thuế)		
Địa chỉ thửa đất ở	Phường/ Xã								Quận/ Huyện	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
C										
B										
A										
TỔNG CỘNG									Tổng (9)	Tổng (10)

(*Kê khai thửa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức trước. Thứ tự kê khai các thửa đất ảnh hưởng đến giá trị diện tích vượt hạn mức và số thuế phải nộp.)

[15] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp {Tổng cột (9) - Tổng cột (10)} :..... đồng

Đề nghị hoàn trả Trừ vào số phải nộp năm sau

...., ngày tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột(4): Chỉ kê khai tổng hợp với đất ở, có GCN. Lấy từ mục 5.1 trên Thông báo nộp thuế

- Cột (9) = (6) x(5) x 0,03% + (7) x(5) x 0,07% + (8)x(5)x 0,15%

- Cột (10): Số thuế tính cho đất ở trên GCN. Lấy từ mục 7.1 trên Thông báo nộp thuế.

Mẫu số: 01/TB-SDDPNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO
Về việc nộp thuế
Lần..... Năm.....**

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thông báo cấp mới mã số thuế cho người nộp thuế như sau:

1. Người nộp thuế:

- Họ và tên:.....

- Mã số thuế (nếu có): ngày cấp:/...../..... (đối với trường hợp cấp MST mới)

- Địa chỉ nhận thông báo:

2. Tên Đại lý thuế (nếu có):

- Mã số thuế:

- Địa chỉ nhận thông báo:

3. Địa chỉ thửa đất:

4. Vị trí thửa đất chịu thuế:

4.1. Loại đất: *Đất ở đô thị; Đất ở nông thôn; Đất sản xuất, kinh doanh:*

4.2. Tên đường/vùng:

4.3. Đoạn đường/khu vực:

4.4. Loại đường: 4.5. Vị trí/hạng:

4.6. Hệ số (đường/hẻm): 4.7. Giá 1 m² đất:

5. Diện tích chịu thuế: 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:

6. Hạn mức:

7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:, Trong đó:

7.1. Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:

7.2. Số thuế tính cho phần diện tích lấn chiếm:

7.3. Số thuế sử dụng không đúng mục đích:

8. Thông tin chi tiết các khoản thuế tính đến ngày thông báo (với trường hợp thông báo từ lần 2)

STT	Nội dung	Tiêu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước	Số thuế đã nộp	Số thuế còn phải nộp
	Ví dụ:						
	Thuế đất ở tại đô thị	1602					
						
	Cộng						

Số tiền thuế còn phải nộp (viết bằng chữ): đồng.

9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày...../...../.....

10. Địa điểm nộp thuế:

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với (tên cơ quan thuế)..... theo số điện thoại: địa chỉ:

... (tên cơ quan thuế)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: 01/SDNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

Phường/xã:

Quận/huyện:

Tỉnh/Thành phố

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế:.....

[12] Địa chỉ:.....

[13] Quận/huyện:.....

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:.....

[16] Fax:.....

[17] Email:.....

[18] Hợp đồng đại lý thuế:.....

STT	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Diện tích	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế	Thuế tính bằng thóc (kg)
	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]=[21]x [24]
	Tổng cộng						

[26] Thuế được miễn, giảm:..... kg.

[27] Thuế phải nộp tính bằng thóc ([27] = [25] - [26]):..... kg.

[28] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):.....

[29] Thuế phải nộp tính bằng tiền ([29] = [27] x [28]):..... đồng.

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

1. Nếu là đất trồng cây ăn quả trên đất trồng cây hàng năm thuộc đất hạng 1, hạng 2, hoặc hạng 3 thì phải nhân thêm hệ số 1,3.

2. Chỉ tiêu thuế được miễn, giảm: nếu được miễn ghi 100%, nếu được giảm thì ghi tương ứng số % được giảm; đồng thời người nộp thuế phải kèm theo tài liệu chứng minh được miễn, giảm.

Mẫu số: 02/SDNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

UBND.....

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

*(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)***[01] Kỳ tính thuế: Năm.....****[02] Lần đầu** **[03] Bổ sung lần thứ**

[04] Tên người nộp thuế

[05] Địa chỉ:

[05.1] Phường/xã:

[05.2] Quận/huyện:

[05.3] Tỉnh/Thành phố

[06] Số địa chính:

[07] Tờ bản đồ số:

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, đội thuế xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thửa	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Diện tích (m ²)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
I	Cây hàng năm							
1	Đất trồng lúa							
2	Đất trồng cây hàng năm khác							
3	Mặt nước nuôi trồng thủy sản							
...							
II	Cây lâu năm							
	Cộng cây lâu năm							
	Tổng cộng							

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

..., ngày..... tháng.... năm.....

Chủ hộ*(Ký ghi rõ họ tên)***Cán bộ thuế***(Ký ghi rõ họ tên)*

..., ngày.... tháng... năm.....

UBND xã, phường, thị trấn*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Ghi chú:** - Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng

- UBND: Ủy ban nhân dân

Mẫu số: 03/SDNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)

[01] **Kỳ tính thuế:** Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ:

[06.1] Phường/xã:

[06.2] Quận/huyện:

[06.3] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại:

[08] Fax:

[09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có):

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện:

[14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại:

[16] Fax:

[17] Email:

[18] Hợp đồng đại lý thuế số

ngày

[19] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần:

[20] Số thửa: ; Tờ bản đồ số:

[21] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[22] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:..... (ghi tên loại cây).....

[23] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):

[24] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m³/ha):

[25] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/m³):

[26] Giá trị sản lượng khai thác [26] = [24] x [25] x [23]

[27] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):..... đồng.

[28] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp [28] = ([26] x 4%) - [27]

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 04/SDNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÔNG BÁO

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/TB-.....

THÔNG BÁO

Nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp
Lần năm

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế (nếu có):

[03] Địa chỉ liên hệ:

[04] Tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg):

[05] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):

[06] Số thuế tính bằng tiền phải nộp trong năm (đồng):

[07] Số thuế SDĐNN nộp thiếu hoặc nộp thừa của năm trước:

[07.1] . Số thuế SDĐNN nộp thiếu của năm trước:

[07.2] . Số thuế SDĐNN nộp thừa của năm trước:

[08] Số tiền phải nộp kỳ 1. ([08] = [06] x 50% + [07.1] - [07.2])

Thời hạn nộp tiền kỳ 1: chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm

[09] Số tiền phải nộp kỳ 2: ([09] = [06] x 50% + số tiền thuế còn nợ các kỳ trước):

Thời hạn nộp tiền kỳ 2: chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm

[10] Nơi nộp tiền thuế:

Quá thời hạn trên mà người nộp thuế chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này thì phải chịu tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với..... (tên cơ quan thuế).....
theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

...(Tên cơ quan thuế)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP THUẾ

Ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

RA THÔNG BÁO

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg) được tổng hợp từ số thuế phải nộp của tất cả các lô đất chịu thuế SDĐNN trong địa phương cấp xã do chi cục thuế quản lý, bao gồm cả số thuế bổ sung tính trên diện tích vượt hạn mức.

- Trường hợp người nộp thuế đề nghị được xem chi tiết cách tính ra số thuế phải nộp thì cơ quan thuế in biểu tổng hợp số thuế phải nộp và thông báo cho người nộp thuế biết.

- SDĐNN: sử dụng đất nông nghiệp.

Mẫu số: 01/TSDĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDD):**1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD:**

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:

1.3. Đại lý thuế (nếu có):.....

1.4. Mã số thuế:.....

1.5. Địa chỉ:.....

1.6. Quận/huyện: Tỉnh/Thành phố:

1.7. Điện thoại:..... Fax: Email:.....

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số: ngày.....

2. Giấy tờ về quyền SDD (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:**3. Đặc điểm thửa đất:****3.1. Địa chỉ thửa đất:**

Số nhà Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố phường (xã, thị trấn).....
Quận (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng..... năm.....

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m²):**4.1. Đất ở tại nông thôn:**

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định
(nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định
(nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02/TSDĐ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÔNG BÁO

....., ngày..... tháng năm

Số: /TB-....

THÔNG BÁO**Về việc nộp tiền sử dụng đất****I. PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ**

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPĐK ngày..... tháng..... năm 201.... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất....., hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền sử dụng đất (SDD) như sau:

1. Tên người sử dụng đất:

- Mã số thuế (nếu có)

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDD:

- Điện thoại:

Email:

2. Đại lý thuế (nếu có):

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:**5. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...):****6. Loại đất thu tiền sử dụng đất:****7. Diện tích tính tiền sử dụng đất (m²):**

7.1. Đất ở:

- Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định (nếu có):

- Ngoài hạn mức giao đất ở:

7.2. Đất sản xuất kinh doanh:

7.3. Đất sử dụng vào mục đích khác:

8. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m²):

8.1. Giá quy định (hoặc đấu giá):

8.2. Giá loại đất đang sử dụng (đất nông nghiệp, phi nông nghiệp):

9. Nguồn gốc đất sử dụng (Nhà nước giao đất, chuyển mục đích SDD...):**10. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:**

10.1. Chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

10.2. 50% chênh lệch giữa giá 2 loại đất:

10.3. 50% giá đất do UBND cấp tỉnh quy định:

10.4. 50% tiền sử dụng đất:

10.5. 100% tiền sử dụng đất:

10.6. Trường hợp khác:

11. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp (đồng):

12. Các khoản giảm, trừ tiền sử dụng đất (nếu có):

12.1. Tiền SDD được giảm do SDD dưới 70 năm (đồng):

12.2. Tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất (đồng):

12.3. Tiền thuê đất đã nộp trước (đồng):

13. Miễn, giảm tiền sử dụng đất:

13.1. Lý do miễn, giảm:

13.2. Số tiền miễn giảm (đồng):

14. Số tiền sử dụng đất còn phải nộp ([14] = [11] – [12] – [13]) (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

15. Địa điểm nộp tiền:

16. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày...tháng...năm.... Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với..... (cơ quan thuế)... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

(Cơ quan thuế) thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP TIỀN**

Ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP TIỀN SDD (Dành cho cơ quan thu tiền)

1. Số ngày chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

2. Số tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/TMDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có):

[11] Mã số thuế:

[12] Địa chỉ:

[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/Thành phố:

[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email: .

[18] Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày

1. Văn bản của cấp có thẩm quyền về việc cho thuê đất, thuê mặt nước (hoặc chuyển từ giao đất sang cho thuê đất, gia hạn cho thuê đất, thuê mặt nước...):

1.1. Quyết định số ngày tháng năm của

1.2. Hợp đồng thuê đất, thuê mặt nước số: ngày tháng năm

2. Đặc điểm đất/mặt nước thuê:

2.1. Địa chỉ thửa đất/mặt nước thuê:

2.2. Vị trí thửa đất/mặt nước:

2.3. Mục đích sử dụng:

2.4. Diện tích:

2.5. Thời điểm được thuê đất (theo ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):.....

Ngày được bàn giao sử dụng:..... (áp dụng trong trường hợp ngày ghi trên quyết định cho thuê đất, mặt nước khác với ngày được bàn giao sử dụng)

3. Diện tích đất, mặt nước phải nộp tiền thuê (m²):

3.1. Đất/mặt nước dùng cho sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

3.2. Đất xây dựng nhà ở, cơ sở hạ tầng để cho thuê:

3.3. Đất xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề:

3.4. Đất/mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản

3.5. Đất/mặt nước dùng vào mục đích khác

4. Thời gian thuê:**5. Các khoản tiền được giảm trừ tiền thuê đất, mặt nước (nếu có):**

5.1. Số tiền thực tế bồi thường, hỗ trợ về đất:..... đồng

5.2. Số tiền sử dụng đất đã nộp trước (nếu có):..... đồng

5.3. Đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất (lý do được miễn, giảm):

6. Hình thức nộp tiền thuê đất:6.1. Nộp một lần cho cả thời gian thuê: 6.2. Nộp hàng năm: **7. Hồ sơ, chứng từ kèm theo chứng minh thuộc đối tượng được trừ hoặc miễn, giảm tiền thuê đất (nếu bản sao thì phải có công chứng nhà nước):**

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Ghi chú: Tại Mục [5], tùy theo hình thức nộp tiền thuê đất, mặt nước đánh dấu X vào ô tương ứng.

Mẫu số: 02/TMDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÔNG BÁO

....., ngày..... tháng năm

Số: /TB

THÔNG BÁO
Về việc nộp tiền thuê đất

I. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THUẾ

Căn cứ Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số/VPĐK ngày tháng năm 20..... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, hoặc căn cứ hồ sơ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước như sau:

1. Tên người nộp thuế:

- Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền:

- Mã số thuế (nếu có):

Số điện thoại:

- Ngành nghề kinh doanh:

2. Đại lý thuế (nếu có):

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

3. Thửa đất số:

Thuộc tờ bản đồ số:

4. Loại đường/khu vực:

5. Vị trí (1, 2, 3, 4...):

6. Mục đích sử dụng đất, mặt nước thuê:

7. Nguồn gốc đất, mặt nước thuê (Nhà nước cho thuê/chuyển từ giao sang thuê...):

8. Thời hạn thuê đất, mặt nước (năm):

9. Diện tích đất, mặt nước thuê (m²):

9.1. Diện tích phải nộp tiền thuê :

9.2. Diện tích không phải nộp tiền thuê :

10. Giá đất tính tiền thuê đất (đồng/m²/năm):

11. Đơn giá thuê đất, mặt nước (%):

12. Tổng số tiền thuê đất, mặt nước phải nộp (đồng):

12.1. Số tiền phải nộp một năm ([12.1] = [9.1] x [10] x [11]):

12.2. Số tiền phải nộp cho cả thời gian thuê đất ([12.2] = [8] x [9.1] x [10] x [11]):

13. Các khoản giảm trừ tiền thuê đất (đồng) ([13] = [13.1] + [13.2]):

13.1. Tiền bồi thường, hỗ trợ về đất được trừ:

13.2. Các khoản giảm trừ khác (nếu có):

14. Miễn, giảm tiền thuê đất:

14.1. Lý do miễn, giảm:

14.2. Số tiền miễn, giảm (đồng):

15. Số tiền thuê đất còn phải nộp ngân sách nhà nước (đồng):

15.1. Số phải nộp cho cả thời gian thuê đất ([15.1] = [12.2] - [13] - [14.2]): (áp dụng đối với trường hợp nộp một lần cho cả thời gian thuê)

(Viết bằng chữ:)

15.2. Số phải nộp một năm: (áp dụng đối với trường hợp nộp hàng năm)

(Viết bằng chữ:)

16. Địa điểm nộp:

17. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày...tháng...năm...

Trường hợp người nộp thuế nộp một lần tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả năm thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 31/5 trong năm.

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với... (Tên cơ quan thuế)... theo số điện thoại:..... địa chỉ:

.... (Tên cơ quan thuế)... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP TIỀN**

..., ngày tháng năm ...

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT (dành cho cơ quan thu tiền)

1. Số ngày chậm nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật:

2. Số tiền chậm nộp tiền thuê đất (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/BVMT*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****[01] Kỳ tính thuế:** Tháng.... năm[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ **[04] Người nộp thuế:**.....

[05] Mã số thuế:.....

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Số tài khoản: [13] tại Ngân hàng/KBNN:.....

[14] Nghề nghiệp/lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính:

[15] Văn bản ủy quyền:.....

[16] Đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế:.....

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/Thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khoáng sản		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:				
1				
2				
II	Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác				
1				
2				
Tổng cộng:					

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Mẫu số: 02/BVMT*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**[01] Kỳ tính thuế:** Từ đến.....[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ **[04] Tên người nộp thuế:**.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[120] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Sản lượng khoáng sản tính phí trong kỳ		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ	Số phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
		Đơn vị tính	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6) - (7)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:						
1						
.....						
II	Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác						
1						
.....						
Tổng cộng:							

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày.....tháng..... năm....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Mẫu số: 01/PHLP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ

(Dành cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm..... hoặc Quý... năm...

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:.....

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:.....

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Tiểu mục	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)
	...					
Tổng cộng		x		x		

Số tiền phí, lệ phí phải nộp vào NSNN (ghi bằng chữ):.....

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02/PHLP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ

(Dùng cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax: [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Tiểu mục thu	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)	(8)	(9) = (7) - (8)
	...							
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 01/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT**1. Đất:**

1.1. Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất:

1.4. Diện tích (m²):

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà:

Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m² sàn xây dựng):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tài sản là máy bay, ô tô, xe máy, tàu, thuyền, súng săn, súng thể thao)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI

[04] Tên người nộp thuế (Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện:

[08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:

[10] Fax:

[11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện:

[16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Điện thoại:

[18] Fax:

[19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:

ngày

I. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:

1. Loại tài sản (ô tô, xe máy, tàu thuyền...):

2. Tên hiệu tài sản:

3. Nước sản xuất:

4. Năm sản xuất:

5. Dung tích xi lanh:

6. Trọng tải (hoặc công suất):

7. Số chỗ ngồi, kể cả chỗ người lái (đối với phương tiện chở khách):

8. Chất lượng tài sản:

9. Số máy:

10. Số khung:

11. Biển kiểm soát:

12. Số đăng ký:

13. Trị giá tài sản (đồng):

(Viết bằng chữ:)

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản:

2. Địa chỉ:

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản:

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP HOẶC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do)

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

B. THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thuế)

1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:)

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): {Bảng trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ nhân (x) mức thu lệ phí trước bạ (%). Mức thu lệ phí trước bạ được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy các loại)}.....

(Viết bằng chữ:)

Nộp theo chương tiêu mục

3. Địa điểm nộp:

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày... tháng... năm...

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Không thu lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều 3 Nghị định số... ngày.... của Chính phủ:

6. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... Nghị định số... ngày... của Chính phủ:

**CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ
TRƯỚC BẠ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

....., ngày..... tháng..... năm.....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

C. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ: _____)

..., ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01-1/LPTB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC
ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
RA THÔNG BÁO

....., ngày..... tháng năm

Số:/TB-....

THÔNG BÁO**Về việc nộp lệ phí trước bạ nhà, đất**

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPĐK ngày.... tháng..... năm.... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ, (tên cơ quan thuế)..... thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất lệ phí trước bạ như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ

1. Tên chủ tài sản:
2. Mã số thuế (nếu có):
3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:
4. Đại lý thuế (nếu có):.....
5. Mã số thuế:.....
6. Địa chỉ:.....

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:
- Số nhà... Đường phố... Thôn (ấp, bản, phum, sóc)..... xã (phường)
2. Loại đất
3. Loại đường/khu vực:.....
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):
5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....
6. Hạng nhà:
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:
8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m²):
- 8.1. Đất:
- 8.2. Nhà (m² sàn nhà):.....
9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m²):
- 9.1. Đất:.....
- 9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):

III. LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ:
- 1.1. Đất (8.1 x 9.1):

2.2. Nhà (7 x 8.2 x 9.2):

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng):

(Viết bằng chữ:))

Nộp theo chương loại..... khoản..... hạng..... mục..... tiểu mục

3. Địa điểm nộp.....

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày... tháng... năm Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Trường hợp không thu lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

.....

.....

.....

.....

6. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

.....

.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với ...(Tên cơ quan thuế)... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

..., ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
RA THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

IV. PHẦN TÍNH TIỀN CHẠM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền)

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:))

..., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng năm hoặc Lần phát sinh: Ngày tháng năm
[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
[06] Địa chỉ:
[07] Quận/huyện:
[08] Tỉnh/thành phố:
[09] Điện thoại:
[10] Fax:
[11] E-mail:
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện:
[16] Tỉnh/thành phố:
[17] Điện thoại:
[18] Fax:
[19] E-mail:
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

Nội dung	Mã số thuế	Hợp đồng số... ngày/tháng/năm ...	Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)		Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)			Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước			
					Doanh thu tính thuế	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp		Số thuế được miễn theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7x8)	(10)	(11)	(12)	(13=(10x11)-(12))	(14)=(9)+(13)
1. Nhà thầu nước ngoài A(*)													
2. Nhà thầu nước ngoài B(*)													
3. Nhà thầu nước ngoài C(*)													
.....													
Tổng cộng:													

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú: (*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh.

Mẫu số: 01/TNKDCK

Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY CHỨNG NHẬN TÀI KHOẢN LƯU KÝ CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU
(Kèm theo hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định)

Đơn vị tiên: *Đông Việt Nam*

Tên khách hàng	Mã chứng khoán	Loại giao dịch (bán chứng khoán/lãi trái phiếu)	Đơn vị môi giới	Ngày giao dịch	Ngày thanh toán	Số lượng chứng khoán	Doanh số giao dịch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng								

Ngày..... tháng..... năm 20.....

TỔ CHỨC XÁC NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: 01/HKNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI**[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....****[02] Lần đầu** **[03] Bổ sung lần thứ** **[04] Tên Hãng hàng không nước ngoài:**.....**[05] Nước cư trú:**.....**[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:**.....**[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:**.....**[08] Mã số thuế:** **[09] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:**.....**[10] Quận/huyện:**..... **[11] Tỉnh/thành phố:**.....**[12] Điện thoại:**..... **[13] Fax:**..... **[14] E-mail:**.....**[15] Tên đại lý thuế (nếu có):**.....**[16] Mã số thuế:** **[17] Địa chỉ:**.....**[18] Quận/huyện:**..... **[19] Tỉnh/thành phố:**.....**[20] Điện thoại:**..... **[21] Fax:**..... **[22] E-mail:**.....**[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [24] = [26] + [27] + [28]	[24]		[25]	
1	Doanh thu bán vé hành khách	[26]			
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[27]			
3	Doanh thu khác	[28]			
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [29] = [30] + [31]	[29]			
1	Các khoản thu hộ	[30]			
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[31]			
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [32] = [24] - [29]	[32]		[33]	
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[34]			
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [35] = [32] x [34]	[35]			
VI	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[36]		[37]	
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [38] = [35] - [36]	[38]		[39]	

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số: 01-1/HKNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TÀI QUỐC TẾ

(Dành cho vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)

[01] Kỳ tính thuế: Từ đến

- [02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: [03] Nước cư trú:
 [04] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:
 [05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:
 [06] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

 [07] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [08] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<i>Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam</i>			
Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

Ngày..... tháng..... năm....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chức chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:
 - Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
 - Cột (4) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải.

Mẫu số: 01-2/HKNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)
 Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
 (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)
 [01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: [03] Nước cư trú:
 [04] Tên/họ hiệu phưng tiện vận tải:
 [05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:
 [06] Mã số thuế:
 [07] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [08] Mã số thuế:

		Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam					
Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế Thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

Ngày..... tháng.... năm....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....
 Chức chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:

- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ.
- Cột (5) ghi số chỗ đã thực tế sử dụng trên máy bay của hãng đối tác.
- Cột (6) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng theo quý đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng trên cơ sở thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển cả năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

Mẫu số: 01/VTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

- [01] Kỳ tính thuế: quý..... năm.....
 [02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ
- [04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
 [05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:
 [06] Địa chỉ:
 [07] Quận/huyện:
 [08] Tỉnh/thành phố:
 [09] Điện thoại:
 [10] Fax:
 [11] E-mail:
- [12] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [13] Mã số thuế:
 [14] Địa chỉ:
 [15] Quận/huyện:
 [16] Tỉnh/thành phố:
 [17] Điện thoại:
 [18] Fax:
 [19] E-mail:
 [20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên hàng vận tải nước ngoài	Tên/họ phương tiện vận tải	Ngày/tháng/năm		Cảng đi	Cảng đến	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp				
		Đến	Đi			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	Thuế giá tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ lệ thuế được miễn, giảm theo Hiệp định	Số thuế nhập doanh nghiệp phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14=11x12-13)
.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

Mẫu số: 01-1/VTNN*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***Phụ lục****BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ***(Dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)***[01] Kỳ tính thuế: Quý... năm...**

- [02] Tên hãng vận tải nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....
- [04] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....
- [05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
- [06] Mã số thuế:
- [07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
- [08] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: *Đồng Việt Nam*

Chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng (tên, địa chỉ, mã số thuế)	Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế phải nộp	Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng								

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian.

Mẫu số: 01-2/VTNN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ

(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý... năm...

- [02] Tên hãng vận tải nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....
- [04] Tên/hồ hiệu phương tiện vận tải:.....
- [05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
- [06] Mã số thuế:
- [07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
- [08] Mã số thuế:

Chứng từ vận chuyển	Hóa đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng (tên, mã số thuế, địa chỉ)	Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định
	Số	Ngày, tháng năm phát hành								
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng										

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHAN VIEN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ghi chú:

- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ
- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng.

Mẫu số: 01/TBH*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỜ KHAI THUẾ****ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI****[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....****[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ:** **[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....****[05] Mã số thuế:** **[06] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....****[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/thành phố:.....****[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] E-mail:.....****[12] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:.....****[13] Nước cư trú:.....****[14] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....****[15] Mã số thuế tại nước cư trú:****[16] Tên đại lý thuế (nếu có):****[17] Mã số thuế:** **[18] Địa chỉ:.....****[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/thành phố:.....****[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] E-mail:.....****[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....***Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [25]=[27]+[28]	[25]		[26]	
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[27]			
2	Doanh thu khác	[28]			
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [29]=[30]+[31]	[29]			
1	Các khoản thu hộ	[30]			
2	Các khoản chi khác	[31]			
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [32]=[25]-[29]	[32]		[33]	
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[34]			
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [35]=[32]x[34]	[35]			
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [36]=[38]+[39]	[36]		[37]	
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[38]			
2	Số thuế miễn, giảm khác	[39]			
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [40]=[35]-[36]	[40]		[41]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng.... năm....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

(Xem tiếp Công báo số 927 + 928)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng